

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUẦN GIÁO  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 14/4/2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Nga.  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bạc Thị Phương và bà Bạc Thị Hồng.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Mạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2022/TLST-HN&GD ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc Ly hôn; tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cà Thị T; sinh năm: 2000; địa chỉ: Bản S, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp; vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Lò Văn H, năm sinh: 1994; địa chỉ: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp; vắng mặt có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 02 năm 2022, bản tự khai, đơn xin vắng mặt nguyên đơn chị Lò Thị Thẩm trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Cà Thị T và anh Lò Văn H đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 04/9/2018. Kể từ khi kết hôn sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh H sử dụng ma túy, từ việc sử dụng ma túy mà anh H và chị Thẩm thường xuyên bất hòa. Do không chịu đựng được, đến cuối năm 2019 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống ở bản S, xã Q cho đến nay. Trong thời gian không còn chung sống chị T và anh H không liên lạc, quan tâm, chia sẻ. Đến nay chị T cho rằng không còn tình cảm với anh Lò Văn H, nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lò Văn H.

Về con chung: Chị Cà Thị T và anh Lò Văn H có 01 con chung, cháu tên là Lò Văn N; sinh ngày 13/11/2018. Hiện tại cháu N vẫn đang được anh H nuôi dưỡng, do hiện tại chị T đi làm ăn xa không trực tiếp chăm con được, nên đồng ý giao con cho

anh H tiếp tục nuôi dưỡng con. Vì công việc chưa ổn định, cuộc sống chỉ phụ thuộc làm nông nghiệp cùng gia đình nên đủ phục vụ cuộc sống sinh hoạt hằng ngày; vì vậy chị Thẩm chưa cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Cà Thị T và anh Lò Văn H không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ thu về và nợ phải trả; nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Cà Thị T đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

*Tại Đơn đề nghị ngày 05/4/2022, bị đơn anh Lò Văn H trình bày như sau:*

Về hôn nhân: Anh Lò Văn H và chị Cà Thị T kết hôn với nhau ngày 04/9/2018 và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Quài C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Cuộc sống chung từ khi kết hôn, hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh H cho rằng chị T thiếu tin tưởng anh H nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến đầu năm 2020, chị T bỏ nhà đi không còn chung sống với anh H nữa. Trong thời gian không chung sống, anh H có liên lạc với chị T nhưng chị T không nghe điện thoại của anh H. Qua thông tin từ bạn bè, anh H có biết chị T không còn chung thủy với anh H. Anh H cho rằng thời gian không còn sống chung với nhau đã lâu nên tình cảm vợ chồng không còn, đến nay chị T xin ly hôn anh H cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Lò Văn H và chị Cà Thị T có 01 con chung, cháu tên là Lò Văn N; sinh ngày 13/11/2018. Sau ly hôn anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Anh H không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con chung, vì từ ngày chị T bỏ đi khi con còn nhỏ; mọi chi phí sinh hoạt của cháu N đều do anh H lo liệu. Anh H có nhà ở và thu nhập trung bình 10.000.000đ/tháng; với thu nhập và nơi ở ổn định anh H đảm bảo nuôi dưỡng cháu N. Không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn với anh H; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Lò Văn N, sinh ngày 13/11/2018 cho anh Lò Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Các bên chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân cấp dưỡng nên không đề xem xét về phân cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị T, do chị T là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện của chị Cà Thị T với anh Lò Văn H thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị T nộp đơn khởi kiện, anh H có nơi ĐKKHKT tại bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo, Quyết định hợp lệ. Chị T và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, việc đưa ra xét xử vắng mặt của đương sự vẫn đảm bảo quyền lợi cho đương sự, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; do vậy có đủ căn cứ để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Chị Cà Thị T và anh Lò Văn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 04/9/2018. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc, nên có thể xác định hôn nhân của chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình. Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn thì thấy: Chị T và anh H đều khẳng định, giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn; vợ chồng không còn sống chung, trong thời gian không sống chung cũng không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau; thiếu sự tin tưởng lẫn nhau; vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không còn hạnh phúc. Từ những lời khai của chị T và anh H, Tòa án thấy rằng để đảm bảo khách quan, toàn diện về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H; nên đã tiến hành xác minh thì thấy: Hôn nhân giữa chị T và anh H đã có mâu thuẫn, anh chị đã không còn sống chung. Từ những căn cứ trên thấy rằng, tình cảm vợ chồng của chị T và anh H đã rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị Cà Thị T là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cà Thị T, cho chị Cà Thị T ly hôn với anh Lò Văn H.

[2.2] Về con chung: Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng, cháu Lò Văn N, sinh ngày 13/11/2018 hiện nay được anh H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Khi nuôi dưỡng con chung, anh H đảm bảo về chỗ ở và điều kiện sinh hoạt, học tập cho cháu N. Đồng thời, anh H nuôi con còn có sự hỗ trợ của gia đình anh H. Vì vậy để đảm bảo cho cháu N tiếp tục có cuộc sống ổn định, có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần; thì HĐXX thấy cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao cho anh Lò Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu N cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Các bên đương sự đều không yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng, không làm ảnh hưởng đến quyền của cháu Nhật, nên HĐXX không giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Cà Thị T đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị T được ly hôn với anh Lò Văn H.

2. Về con chung: Giao cho anh Lò Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Văn N; sinh ngày 13/11/2018 cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị Cà Thị T và anh Lò Văn H, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Lò Văn H có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Chị Cà Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Chị Cà Thị T, anh Lò Văn H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cà Thị T được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Cà Thị T, anh Lò Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**



**Nơi nhận**

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã Q
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thị Nga**





















***Nơi nhận***

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thị Nga**